

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2021/HS-ST

Ngày: 25 - 06 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP.HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Trần Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Xuân Tiên**

Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thu Hà** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Lê Đăng Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 06 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2021/QĐXXST-HS ngày 04/6/2021 đối với các bị cáo:

1. PHẠM THỊ L – sinh năm: 1982; HKTT: Tổ A T, Long Biên, Hà Nội; Chỗ ở: Tổ C, C, Long Biên, Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Tự do; con ông Phạm Văn Đáp (Đã chết) và bà Hoàng Thị Minh C; Chồng: Nguyễn Khánh Th; Có 02 con: Lớn SN 2013, nhỏ SN 2018; TATS: Theo danh chỉ bản số 078 ngày 17/01/2021 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. NGUYỄN KHÁNH TH – sinh năm: 1983; HKTT: Xóm Th, xã L, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Tổ C, C, Long Biên, Hà Nội; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H; Vợ: Phạm Thị L ; Có 03 con: Lớn SN 2001, nhỏ SN 2018; TATS: Theo danh chỉ bản số 077 ngày 17/01/2021 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa phương cung cấp thì bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hà Tùng A - SN: 1997

HKTT: Phường N, Long Biên, Hà Nội

2. Anh Phạm Mạnh C - SN: 1980

HKTT: H khu đô thị V, Long Biên, Hà Nội

3. Anh Đặng Trường S - SN: 1988

HKTT: Đội R, T, V, Gia Lâm, Hà Nội

4. Anh Lê Văn N - SN: 1991

HKTT: C, T, Tiên Lữ, Hưng Yên

5. Anh Nguyễn Tuấn A1- SN: 1991

HKTT: Thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Khuất Q Th2- SN: 1972

HKTT: Phường N, quận Long Biên, TP Hà Nội

7. Anh Lưu Ngọc Q - SN: 1987

HKTT: Phường L, quận Long Biên, TP Hà Nội.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/01/2021, Đội CSHS Công an quận Long Biên phối hợp cùng Công an phường Ngọc Thụy tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn phường Ngọc Thụy. Khi đi đến khu vực đầu ngõ 476 đường Ngọc Thụy thuộc địa phận tổ 19 phường Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội tổ công tác phát hiện 01 nam thanh niên có nhiều biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu nam thanh niên xuất trình giấy tờ tùy thân. Tại chỗ nam thanh niên khai nhận tên là Hà Tùng A (SN: 1997; HKTT: Phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội). Quá trình kiểm tra Tùng A có xuất trình 01 giấy biên nhận mua xe 01 giấy bán xe cho Phạm Thị L và khai nhận vay tiền lãi ngày của L nên tổ công tác mời Tùng A về trụ sở làm việc.

Căn cứ vào lời khai của Tùng Anh, Đội CSHS Công an quận Long Biên đã triệu tập Phạm Thị L ghi lời khai và tiến hành xác minh làm rõ: Phạm Thị L cùng chồng là Nguyễn Khánh Th mở cửa hàng kinh doanh cầm đồ tại địa chỉ 36

Ngọc Trì, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội từ tháng 11/2014 để kinh doanh cầm đồ và cho vay lãi ngày, trong đó L là người trực tiếp cho vay tiền còn Th là người kiểm tra các tài sản do người vay cầm cố trong khoảng thời gian từ ngày 09/7/2019 đến ngày 29/12/2020 các bị cáo nhiều lần cho vay lãi nặng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Do có nhu cầu cần tiền để kinh doanh nên anh Tùng A đã nhờ bạn là Đặng Đức Thắng (SN: 1997, HKTT: phường Ngọc Lâm - quận Long Biên - TP Hà Nội) tìm cửa hàng cầm đồ để vay tiền lãi ngày, Thắng đồng ý. Ngày 20/12/2019, Thắng cùng Tùng A đi đến cửa hàng cầm đồ của Phạm Thị L hỏi vay số tiền 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Tùng A và L thoả thuận vay số tiền trên với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tùng A và L thoả thuận thanh toán theo kỳ, 15 ngày là 1 kỳ và phải thế chấp tài sản cho chị L để đảm bảo việc vay tiền dưới hình thức viết giấy bán tài sản cho L. Sau đó Tùng A nhờ Thắng viết giấy bán xe máy nhãn hiệu SH Mode, BKS: 29N1 - 546.48 của Tùng A cho L. Thắng giao xe cho L, L chủ động cắt lại số tiền 1.875.000đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) của kỳ lãi đầu tiên. Trong quá trình vay từ ngày 20/12/2019 đến ngày 25/8/2020 tương đương với 16 kỳ 9 ngày, L và Tùng A thoả thuận từ kỳ 2 đến kỳ 16, tiền lãi mỗi kỳ Tùng A phải trả là 1.850.000đ, kỳ thứ 17 có 9 ngày số tiền lãi Tùng A phải trả là 1.125.000đ. Tổng số tiền lãi Tùng A đã đóng cho L đến ngày 25/8/2020 là 30.750.000đ trong đó tiền lãi từ kỳ 2 đến kỳ 7 và từ kỳ 11 đến kỳ 16 Tùng A đã dùng tài khoản 190338475576010 tại ngân hàng Techcombank của bạn gái là Bùi Mai Hương chuyển vào số tài khoản 107000929464 của Phạm Thị L tại Ngân hàng Vietinbank, còn tiền lãi kỳ 8,9,10,16 và 9 ngày của kỳ 17 Tùng A thanh toán tiền mặt trực tiếp tại cửa hàng của L. Sau đó Tùng A trả L số tiền gốc 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và lấy lại chiếc xe máy. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Phạm Thị L được hưởng đối với khoản vay 25.000.000đ của Tùng A là 3.411.000đ (*Ba triệu bốn trăm mười một nghìn đồng*). Như vậy, số tiền L hưởng lợi đối với khoản vay là 27.339.000đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Ngày 11/11/2020, Tùng A tiếp tục vay của L số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) với lãi suất 4.000 đ/1triệu/ngày tương đương 146%/năm gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tùng A và L thoả thuận thanh toán theo kỳ, 15 ngày là 1 kỳ và Tùng A thế chấp lại chiếc xe máy SH, BKS: 29P1 - 480.32. Sau khi Nguyễn Khánh Th kiểm tra xe xong và cắt xe tại quán thì Tùng A viết giấy bán xe làm tin đồng thời L viết 01

giấy mua xe. Sau đó L chuyển tiền vào tài khoản 19033847576010 của bạn gái Tùng A là Bùi Mai Hương và tự động cắt lại 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi kỳ đầu tiên. Quá trình vay từ ngày 11/11/2020 đến ngày 06/01/2021 tương đương 3 kỳ 12 ngày Tùng A đã đóng cho L số tiền lãi 4.800.000đ trong đó tiền lãi kỳ thứ 2 ngày 27/11/2020 Tùng A đã chuyển 2.400.000 vào số tài khoản 107000929464 tại Ngân hàng Vietinbank của Phạm Thị L, tiền lãi kỳ thứ 3 Tùng A đã chuyển 1.500.000 vào số tài khoản 107000929464 tại Vietinbank của Phạm Thị L ngày 24/12/2020, còn lại 900.000 đ Tùng A thanh toán tiền mặt tại cửa hàng của L. Còn tiền lãi 12 ngày của kỳ 4 Tùng A chưa thanh toán cho L. Đến ngày 06/01/2021 Tùng A đến cửa hàng trả cho L 40.000.000đ tiền gốc thì L trả cho Tùng A giấy tờ xe máy SH BKS 29P1-480.32 còn vẫn giữ lại xe máy đến khi nào Tùng A trả hết tiền lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Phạm Thị L được hưởng đối với khoản vay 40.000.000 đ của Tùng A trong 3 kỳ tương đương 45 ngày là 986.301đ (*Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm L một đồng*). Như vậy, số tiền L hưởng lợi đối với khoản vay là 6.213.699 đ (*Sáu triệu hai trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*). Đến ngày 07/01/2021, thì hành vi của L và Th bị phát hiện.

Vụ thứ ba: Ngày 13/10/2020, L cho anh Phạm Mạnh C (SN:1980, HKTT: H1 khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội) vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/1triệu/ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. L và C thỏa thuận 15 ngày 1 kỳ, thanh toán tiền lãi theo kỳ. Khi vay anh C viết 01 giấy bán xe cho L và để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS 29K1 - 776.90 cùng 01 giấy đăng ký xe. Trong quá trình vay từ ngày 13/10/2020 đến ngày 7/1/2021 tương đương 5 kỳ 12 ngày, Tùng A đã thanh toán 11.250.000đ tiền lãi của 5 kỳ bằng tiền mặt tại cửa hàng của L, còn số tiền lãi của 12 ngày kỳ 6 do L và C là chỗ quen biết nên L không yêu cầu C thanh toán. Đến ngày 7/1/2021 C đến trả L 50.000.000đ và hẹn tối quay lại lấy xe thì L đồng ý nhưng C chưa kịp lấy xe thì L đã bị bắt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Phạm Thị L được hưởng đối với khoản vay 50.000.000 đ của C trong 5 kỳ tương đương 75 ngày là 2.054.795đ (*Hai triệu không trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng*). Như vậy, số tiền L hưởng lợi đối với khoản vay là 9.195.205 đ (*Chín triệu một trăm chín mươi năm nghìn hai trăm L năm đồng*).

Vu thứ tư: Ngày 30/9/2020, L cho anh Đặng Trường S (SN: 1988, HKTT: Đội 1, Trung Quan 1, Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội) vay số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) với lãi suất 3.000đ/1triệu/ngày tương đương 109,5%/năm gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. L và anh S thỏa thuận 10 ngày là 1 kỳ, thanh toán theo kỳ. Khi vay anh S viết 01 giấy bán xe và để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Piago Liberty BKS 29B1 - 299.32 cùng 01 giấy đăng ký xe. Khi giao tiền cho anh S, L chủ động cắt lại lãi của kì đầu tiên là 300.000đ. Từ khi vay đến nay anh S chưa đóng thêm tiền lãi của kì nào cho L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Phạm Thị L được hưởng đối với khoản vay 10.000.000 đ của Tùng A trong kỳ đầu tương đương 10 ngày là 54.795đ (*Năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng*) Như vậy, số tiền L hưởng lợi đối với khoản vay là 245.205 đ (*Hai trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm L năm đồng*)

Vu thứ năm: Ngày 13/10/2020, L cho anh Lê Văn N (SN: 1991; HKTT: Canh Hoạch, Trung Dũng, Tiên Lữ, Hưng Yên) vay số tiền 6.000.000đ với lãi suất 3.000 đ/1triệu/ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. L và anh Nam thỏa thuận 10 ngày là 1 kỳ, thanh toán theo kỳ. Khi vay anh Nam viết 01 giấy bán xe và để lại chiếc xe máy nhãn hiệu honda wave rsx BKS 89B1-59272 cùng 01 giấy đăng ký xe. Khi giao tiền cho Nam thì L chủ động cắt lại lãi của kì đầu tiên là 180.000đ. Từ khi vay đến nay anh Nam chưa đóng thêm tiền lãi của kì nào cho L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Phạm Thị L được hưởng đối với khoản vay 6.000.000đ của Nam trong kỳ đầu tương đương 10 ngày là 32.877 đ (*Ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*). Như vậy, số tiền L hưởng lợi đối với khoản vay là 147.123đ (*Một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng*)

Vu thứ sáu: Ngày 29/12/2020, L cho anh Nguyễn Tuấn A1(SN: 1991; HKTT: Thị trấn Cao Th, huyện Tân Yên) vay số tiền 4.000.000đ với lãi suất 7.500đ/1triệu/ngày tương đương 273,75%/năm gấp 13,7 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. L và anh Nam thỏa thuận 10 ngày là 1 kỳ, thanh toán theo kỳ. Khi vay Tuấn A1viết 01 giấy bán xe và để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda wave S BKS: 98M9 - 2940 cùng 01 giấy đăng ký xe. Khi giao tiền cho Tuấn Anh, L chủ động cắt lại lãi của kì đầu tiên là 300.000đ. Khi chưa hết kỳ vay đầu thì L bị bắt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không

được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa Phạm Thị L được hưởng đối với khoản vay 4.000.000đ của Tuấn A trong kỳ đầu tương đương 10 ngày là *(Hai mươi hai nghìn chín trăm mười tám đồng)*. Như vậy, số tiền L hưởng lợi đối với khoản vay là 277.082 đ *(Hai trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm tám mươi hai đồng)*.

Vụ thứ 7: Ngày 09/7/2020, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th cho anh Khuất Q Th2(SN: 1972; HKTT: Phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội) vay số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* với lãi suất 3.000đ/1triệu/ngày tương đương lãi suất 109,5%/năm gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Thỏa thuận 15 ngày 1 kỳ, thanh toán theo kỳ. Sau khi anh Thanh viết giấy vay thì L đưa cho Th 50.000.000đ để chuyển cho anh Thanh, đến kỳ thanh toán L là người gọi điện thoại để yêu cầu Thanh trả tiền lãi. Sau đó Thanh dùng tài khoản số 199369296 tại ngân hàng VP Bank đứng tên Thanh chuyển vào tài khoản 100869885529 của Th tại Ngân hàng VietinBank tiền lãi của các kỳ, cụ thể kỳ 1 Thanh chuyển khoản 2.250.000đ ngày 7/8/2020, kỳ 2 và kỳ 3 Thanh chuyển khoản 5.000.000đ vào ngày 25/8/2020, kỳ 4 Thanh chuyển khoản 2.500.000đ vào ngày 01/11/2020, kỳ 5 Thanh chuyển khoản 2.000.000đ vào ngày 10/11/2021, kỳ 6 Thanh chuyển khoản 2.500.000đ vào ngày 29/11/2020, kỳ 7 Thanh chuyển khoản 2.250.000đ ngày 16/12/2020. Tổng cộng Thanh đã chuyển cho Th 16.500.000đ tiền lãi trong 110 ngày vay. Sau đó Thanh không thanh toán cho Th bất cứ khoản lãi nào nữa. Sau khi nhận được tiền lãi của Thanh, Th đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản 107000929464 tại Vietinbank của Phạm Thị L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương số tiền lãi tối đa các bị cáo được hưởng đối với khoản vay 50.000.000đ của Thanh trong 110 ngày là 3.013.699 *(Ba triệu không trăm L ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng)*. Như vậy, số tiền L và Th hưởng lợi đối với khoản vay là 13.486.301đ

Ngày 29/12/2020, L cho anh Lưu Ngọc Q (SN: 1987; HKTT: Phường Long Biên, quận Long Biên, TP Hà Nội) vay số tiền 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm đồng)* không có lãi suất nhưng phải để lại tài sản thế chấp. Do đó anh Q đã viết 01 giấy bán xe máy nhãn hiệu Angel, BKS: 33L5- 4865 cho L. Khoảng 05 ngày sau thì anh Q Th2toán hết số tiền 1.200.000đ cho L nhưng gửi xe lại tại cửa hàng của L, chưa lấy xe ra thì L đã bị bắt. Đối với khoản vay này, L và Th không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận như trên phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an quận Long Biên tạm giữ: 01 giấy bán xe mang tên Đặng Đức Thắng cùng 01 giấy biên nhận mua xe của Phạm Thị L , 01 đăng ký xe máy 29B1-29932 mang tên Nguyễn Hoàng Long cùng 01 giấy bán xe mang tên Đặng Trường S ; 01 đăng ký xe máy BKS 98M9-2940 mang tên Giáp Văn Quý cùng 01 giấy bán xe mang tên Nguyễn Tuấn Anh; 01 giấy bán xe mang tên Phạm Mạnh C , 01 giấy bán xe mang tên Hà Tùng Anh, 01 đăng ký xe máy BKS 89B1-59272 cùng 01 giấy bán xe mang tên Lê Văn Nam, 01 đăng ký BKS 33L5-4865 mang tên Hoàng Tuyền Chàng cùng 01 giấy bán xe mang tên Lưu Ngọc Q ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số imei: 56704112549974 kèm sim: 0837771010; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung có số imei 353344113155571 kèm hai sim 0914771010 và 0392021523; 01 xe máy nhãn hiệu Wave S màu đen BKS: 98M9 - 2940; 01 xe máy nhãn hiệu Liberty S màu xanh BKS: 29B1-29932; 01 xe máy nhãn hiệu Angel màu tím BKS: 33L5 - 4865, 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen BKS 29K1-77690; 01 xe máy nhãn hiệu wave rsx màu đen BKS: 89B1-59272; 01 xe máy nhãn hiệu SH màu trắng đen BKS 29P1- 48032 và 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Tại kết luận giám định số 2675 ngày 02/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Chữ viết phần nội dung và chữ ký dạng chữ viết “L”, chữ viết với dòng Phạm Thị L dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Phạm Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết ra.

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Văn N trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Văn N trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 là chữ do cùng một người viết và ký ra

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Tuấn A1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Tuấn A1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M6, M7 là chữ do cùng một người viết và ký ra

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Mạnh C trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 với chữ viết, chữ ký đứng tên Phạm Mạnh C trên các mẫu so sánh ký hiệu M8, M9 là chữ do cùng một người viết và ký ra

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Đức Thắng trên các mẫu cần giám định ký hiệu A5 với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Đức Thắng trên các mẫu so sánh ký hiệu M10, M11 là chữ do cùng một người viết ra

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Trường S trên các mẫu cần giám định ký hiệu A6 với chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Trường S trên các mẫu so sánh ký hiệu M12, M13 là chữ do cùng một người viết ra

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Hà Tùng A trên các mẫu cần giám định ký hiệu A7 với chữ viết, chữ ký đứng tên Hà Tùng A trên mẫu so sánh ký hiệu M14 là chữ do cùng một người viết ra

Đối với xe máy nhãn hiệu Piago Liberty BKS 29B1 – 299.32, đăng ký chủ sở hữu Nguyễn Hoàng Long (SN:1981, HKTT: Phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội). Quá trình điều tra xác định, anh Đặng Trường S mua lại chiếc xe của anh Long, kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy và kết quả tra cứu phương tiện xác định không có trong hệ thống xe máy vật chứng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 289B1 - 592.72, đăng ký chủ sở hữu Bùi Văn N (SN: 1991; HKTT: Xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên). Quá trình điều tra xác định, khoảng tháng 10/2017, anh Lê Văn N mua chiếc xe máy trên sau đó nhờ anh rể là anh Bùi Văn N đứng tên đăng ký chiếc xe máy. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy và kết quả tra cứu phương tiện xác định không có trong hệ thống xe máy vật chứng.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 98M9 – 2940, đăng ký chủ sở hữu Giáp Văn Quý (SN: 1983; HKTT: Xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang). Quá trình điều tra xác định, anh Quý đã bán lại chiếc xe trên cho em họ là anh Nguyễn Tuấn Anh. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy và kết quả tra cứu phương tiện không có trong hệ thống xe máy vật chứng.

Bản cáo trạng số: 173/CT-VKS ngày 05 - 06 -2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Phạm Thị L , Nguyễn Khánh Th về tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo Phạm Thị L , Nguyễn Khánh Th đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Hành vi của các bị cáo vi phạm vào khoản 1 Điều 201 của BLHS 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 của BLHS 2015 đối với bị cáo Phạm Thị L .

Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 của BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Khánh Th

Về hình phạt:

- Đề nghị xử phạt bị cáo L từ **20** đến **24** tháng cải tạo không giam giữ.
 - Đề nghị xử phạt bị cáo Th từ **70** đến **100** triệu đồng.
- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 của bộ luật Tổ tụng hình sự.

- Đề nghị Truy nộp của các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th số tiền gốc 115.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định là 9.576.385 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Đề nghị buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải truy thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền : 70.000.000 đồng (Khoản tiền gốc vay của các bị cáo L và Th) cụ thể: Truy thu của anh Khuất Q Th số tiền 50.000.000 đồng, truy thu của anh Đặng Trường S số tiền 10.000.000 đồng, Truy thu của anh Lê Văn N 6.000.000 đồng và truy thu của anh Nguyễn Tuấn A 14.000.000 đồng.

- Đề nghị Truy nộp của các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th tiền phí vay mà các bị cáo đã thu số tiền 669.410 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Đề nghị cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo L và 01 điện thoại Samsung thu giữ của bị cáo Th.

- Đề nghị cho thi hành trả lại bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th số tiền 30.000.000 đồng nhưng cho tạm giữ lại để bảo đảm công tác thi hành án.

- Đề nghị cho thi hành trả lại anh Đặng Trường S 01 chiếc xe máy Piago Liberty BKS 29B1 - 299.32; trả lại anh Lê Văn N 01 chiếc xe honda wave rsx BKS 89B1-59272, trả lại anh Nguyễn Tuấn A 01 chiếc xe Honda wave S BKS: 98M9 – 2940.

- Đề nghị các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th trả lại số tiền lãi đã thu vượt quá 20% / năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể: Trả cho anh Hà Tùng A số tiền 33.552.699 đồng, trả cho anh Phạm Mạnh C số tiền 9.195.205 đồng, trả cho anh Khuất Q Th số tiền 13.486.301 đồng.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tạm giữ đồ vật-tài liệu, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 20/12/2019 đến ngày 25/8/2020 tại số 36 Ngọc Trì, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Hà Tùng A vay 25.000.000đ với lãi suất gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 27.339.000đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*)

Từ ngày 11/11/2020 đến ngày 06/01/2021, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Hà Tùng A vay 40.000.000đ với lãi suất gấp 7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 6.213.699đ (*Sáu triệu hai mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*).

Từ ngày 13/10/2020 đến ngày 07/01/2021, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Phạm Mạnh C vay 50.000.000đ với lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 9.195.205đ (*Chín triệu một trăm chín mươi năm nghìn hai trăm L năm đồng*)

Ngày 09/7/2020, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Khuất Q Th2 vay 50.000.000đ với lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 13.486.301đ (*Mười ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm L một đồng*)

Ngày 09/7/2020, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Đặng Trường S vay 10.000.000đ với lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 245.205đ (*Hai trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm L năm đồng*)

Ngày 09/7/2020, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Lê Văn N vay 6.000.000đ với lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 147.123đ (*Một trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng*)

Ngày 09/7/2020, Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th có hành vi cho anh Nguyễn Tuấn A1 vay 4.000.000đ với lãi suất gấp 13,7 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lời bất chính 277.082đ (*Hai trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm tám mươi hai đồng*)

Tổng số tiền Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th thu lời bất chính là 56.903.615đ (*Năm mươi sáu triệu chín trăm L ba nghìn sáu trăm mười lăm đồng*)

[3] Hành vi của các bị cáo Phạm Thị L, Nguyễn Khánh Th đã cấu thành tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lung lay lòng tin chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng các bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, cần có mức án tương xứng đối với hành vi của các bị cáo gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng TNHS:

Nhân thân của các bị cáo L và Th đều chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, các bị phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Trong vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo L khởi xướng giữ vai trò chủ mưu, bị cáo Th với vai trò giúp sức, cùng nhau thực hành tích cực. Vì vậy, cần cân nhắc hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo,

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đáng ra phải có hình phạt nghiêm khắc với các bị cáo mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo L cải tạo ngoài xã hội theo

Điều 36 BLHS, bị cáo Th áp dụng hình phạt tiền theo Điều 35 BLHS cũng đủ điều kiện giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung:

[6] Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

- Về xử các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[7] - Truy nộp của các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th số tiền gốc đã thu được từ những người vay là 115.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản tiền gốc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th chưa trả nợ gốc cho các bị cáo. Xác định số tiền nợ gốc chưa trả là tiền các bị cáo L và Th thực hiện vào việc phạm tội, nên cần truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung quỹ Nhà nước cụ thể: Truy thu của anh Khuất Q Th số tiền 50.000.000 đồng, truy thu của anh Đặng Trường S số tiền 10.000.000 đồng, Truy thu của anh Lê Văn N 6.000.000 đồng và truy thu của anh Nguyễn Tuấn A 14.000.000 đồng.

- Đối với số tiền lãi theo quy định 20%/ 1 năm 9.576.385 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm, thu lời bất chính nên Truy nộp của các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th sung quỹ Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th phải truy nộp tiền phí vay mà các bị cáo đã thu số tiền 669.410 đồng là tiền thu lời bất chính để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% là tiền thu lời bất chính của bị cáo từ những người vay nên các bị cáo phải trả lại cho những người vay cụ thể: Trả cho anh Hà Tùng A số tiền 33.552.699 đồng, trả cho anh Phạm Mạnh C số tiền 9.195.205 đồng, trả cho anh Khuất Q Th số tiền 13.486.301 đồng.

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo L và 01 điện thoại Samsung thu giữ của bị cáo Th do các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm.

- Đối với số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) tạm giữ tại chỗ ở của Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th. Cả L và Th đều khai nhận số tiền trên là tiền do chị Nguyễn Thị Thanh Minh (SN: 1982; HKTT: tổ 7, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội) thanh toán tiền Th thi công S nhà riêng cho chị Minh. Tại cơ quan điều tra chị Minh khai nhận tháng 12/2020 chị Minh thuê Th S lại nhà với số tiền 30.000.000đ. Ngày 6/1/2021 chị L thanh toán số tiền trên cho Th kèm theo giấy biên nhận tiền. Do đó xác định số tiền trên không liên quan đến hành vi phạm tội của L và Th. Vì vậy, Cho thi hành trả lại bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh

Th số tiền 30.000.000 đồng nhưng cho tạm giữ lại để bảo đảm công tác thi hành án.

- Xác định việc viết giấy bán xe để vay tiền là giao dịch dân sự vô hiệu. Vì vậy, Cho thi hành trả lại anh Đặng Trường S 01 chiếc xe máy Piago Liberty BKS 29B1 - 299.32; trả lại anh Lê Văn N 01 chiếc xe honda wave rsx BKS 89B1-59272, trả lại anh Nguyễn Tuấn A101 chiếc xe Honda wave S BKS: 98M9 – 2940.

- Về dân sự:

[8] Đối với các khoản vay: 50.000.000 đồng của anh Khuất Q Thanh, 10.000.000 đồng của anh Đặng Trường S , 6.000.000 đồng của anh Lê Văn N và 4.000.000 đồng của anh Nguyễn Tuấn A1 các bị cáo không yêu cầu thanh toán số tiền lãi còn lại, đối với số tiền gốc các bị cáo sẽ tự giải quyết trong một vụ việc dân sự khác. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đại diện VKSND quận Long Biên đề nghị về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và dân sự là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Các vấn đề khác:

[9] Đối với xe máy nhãn hiệu SH BKS: 29P1 - 480.32 đăng ký chủ sở hữu tên Bạch Hải Quân (SN:1985, HKTT: Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội). Quá trình điều tra xác định anh Tùng A mua lại chiếc xe của Quân vào tháng 9/2020, kết quả giám định số khung số máy của xe nguyên thủy và kết quả tra cứu không có trong hệ thống xe máy vật chứng. Ngày 13/5/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho anh Tùng Anh.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH BKS: 29K1 - 776.90 đăng ký chủ sở hữu Phạm Mạnh C , kết quả giám định số khung số máy xe nguyên thủy và kết quả tra cứu không có trong hệ thống xe máy vật chứng. Ngày 13/5/2021 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho anh C .

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Angel BKS 33L5 - 4865, đăng ký chủ sở hữu Hoàng Tuyển Chàng (SN: 1952; HKTT: Xã Chu Minh, huyện Ba Vì, TP Hà Nội). Quá trình điều tra xác định, ông Chàng đã chết vào năm 2012, đại diện gia đình ông Chàng cho biết đã bán chiếc xe trên cho người không quen biết. Khoảng đầu năm 2020, anh Q mua chiếc xe trên của một người không quen biết, khi mua có đầy đủ giấy tờ xe. Kết quả giám định số khung số máy nguyên thủy và kết quả tra cứu phương tiện xác định không có trong hệ thống xe máy vật chứng. Do hành vi vay tiền của anh Q và L là giao dịch dân sự, không vi phạm pháp luật. Ngày 13/5/2021 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho anh Q .

Anh Tùng Anh, anh C , anh Q đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì khác về dân sự. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[10] Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[11] Các bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L , Nguyễn Khánh Th phạm tội: Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Phạm Thị L 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày giao quyết định Thi hành án và Bản sao bản án cho Ủy ban nhân dân phường Cự Khối – quận Long Biên – Hà Nội.

Giao bị cáo Phạm Thị L cho Ủy ban nhân dân phường Cự Khối – quận Long Biên – Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Nguyễn Khánh Th 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1 Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th truy nộp số tiền 115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng là phương tiện phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th truy nộp số tiền 9.576.385 (Chín triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm) đồng là tiền lãi (Tương ứng với lãi suất 20% / năm) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th truy nộp số tiền 669.410 (Sáu trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm mười) đồng tiền phí vay mà các bị cáo đã thu trước để sung quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th phải truy nộp để sung quỹ Nhà nước là: 125.245.795 (Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng. Theo kỷ phần mỗi bị cáo

phải chịu 62.622.898 (sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi hai đồng tám trăm chín tám) đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th chưa trả nợ gốc cho các bị cáo phải truy thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền : 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cụ thể: Truy thu của anh Khuất Q Th số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), truy thu của anh Đặng Trường S số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Truy thu của anh Lê Văn N 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và truy thu của anh Nguyễn Tuấn A 14.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Buộc các bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th trả lại số tiền vượt quá lãi suất 20%/ 1 năm cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho anh Hà Tùng A số tiền 33.552.699 (Ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm chín chín) đồng, trả cho anh Phạm Mạnh C số tiền 9.195.205 (Chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm L năm) đồng, trả cho anh Khuất Q Th số tiền 13.486.301 (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm L một) đồng.

2.2 Về xử lý vật chứng:

- Cho tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Phạm Thị L và 01 điện thoại Samsung thu giữ của bị cáo Nguyễn Khánh Th.

- Cho thi hành trả lại bị cáo Phạm Thị L và Nguyễn Khánh Th số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nhưng cho tạm giữ lại để bảo đảm công tác thi hành án.

- Cho thi hành trả lại anh Đặng Trường S 01 chiếc xe máy Piago Liberty BKS 29B1 - 299.32; trả lại anh Lê Văn N 01 chiếc xe honda wave rsx BKS 89B1-59272, trả lại anh Nguyễn Tuấn A 01 chiếc xe Honda wave S BKS: 98M9 – 2940.

(Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/06/2021 và giấy Ủy nhiệm chi lập ngày 25/01/2021)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./

Nơi nhân

- TANDTP.Hà Nội;
- VKSNDTP.Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Chi cục THA. DS quận Long Biên;
- Cơ quan THA.HS quận Long Biên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP/TA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Hương